

Số: 14/2020/QĐST-HNGĐ

Thành phố H, ngày 03 tháng 02 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 13/2020/TLST-HNGĐ ngày 03/02/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Minh L - sinh năm 1995.

HKTT: Số OS đường C, khu phố LHP, phường MK, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Chỗ ở: Thôn ĐL, xã ĐL, huyện AL, tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q - Sinh năm 1987.

HKTT: Số OS đường C, khu phố LHP, phường MK, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Nguyễn Quang M, sinh ngày 21/4/2018.

HKTT: Số 84 đường C, khu phố LHP, phường MK, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện theo pháp luật: Anh Nguyễn Văn Q, chị Trần Thị Minh L là bố mẹ đẻ của cháu.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12/02/2020;

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12/02/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Minh L và anh Nguyễn Văn Q.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Minh L và anh Nguyễn Văn Q thuận tình ly hôn.

* Về con chung: Hai bên đương sự xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Quang M, sinh ngày 21/4/2018. Nay ly hôn chị L và anh Q thỏa thuận nhất trí giao cháu M cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu M tròn 18 tuổi, tự lập được. Ghi nhận sự tự thỏa thuận của các bên đương sự, anh Nguyễn Văn Q có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L 1.000.000 đồng/tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 3 năm 2020 cho đến khi cháu M tròn 18 tuổi, tự lập được.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, nếu anh Q không chịu thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con. Chị L có đơn đề nghị thi hành án hợp pháp, Cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành mà anh Q không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo quy định tại điều 357 và điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn Q được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

* Về tài sản chung và công nợ: Hai bên đương sự xác định vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai tài sản nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Về án phí: Hai bên đương sự thỏa thuận, chị Trần Thị Minh L tự nguyện nhận chịu cả 150.000 đồng tiền án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền đã tạm ứng là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0001071 ngày 03/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên. Hoàn trả chị Trần Thị Minh L 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí thừa.

Anh Nguyễn Văn Q phải chịu 150.000 đồng tiền án phí về phần cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. H;
 - Chi cục THA DS Tp. H;
 - Các đương sự;
 - UBND phường MK
- (Đăng ký số 11 ngày 17/10/2017);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Lý